

# KỸ NĂNG VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM ĐỀ RA YÊU CẦU ĐIỀU TRA CỦA KIỂM SÁT VIÊN

HOÀNG NGỌC CÀN\*

**Tóm tắt:** Đề ra yêu cầu điều tra là một nội dung, hoạt động quan trọng của Kiểm sát viên khi thực hiện nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động điều tra. Bài viết này, tác giả phân tích căn cứ pháp luật, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của bản yêu cầu điều tra, kỹ năng và kinh nghiệm khi thực hiện công tác này trong thực tiễn.

*Từ khóa:* Kiểm sát viên; Điều tra viên; đề ra yêu cầu điều tra; bản yêu cầu điều tra.

*Ngày nhận bài:* 02/01/2019; *ngày biên tập xong:* 05/01/2019; *ngày duyệt bài:* 08/01/2019.

## 1. Căn cứ pháp luật, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của bản yêu cầu điều tra

Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện để làm rõ tội phạm, người phạm tội là quy định bắt buộc đối với Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 7 Điều 14, khoản 2 Điều 83 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) năm 2014, điểm e khoản 1 Điều 42, khoản 6 Điều 165 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 và theo quy định tại Điều 26 Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày

29/12/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao (gọi tắt là Quy chế số 03/2017). Đây là những quy định cụ thể mới so với điểm b khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 112 BLTTHS năm 2003, cũng như Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2008 của Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự. Luật tổ chức VKSND năm 2014, BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể và chi tiết từng hoạt động đề ra yêu cầu điều tra để Kiểm sát viên thực

\*Nguyên Trưởng phòng, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

hiện. Văn bản yêu cầu điều tra giúp cho Kiểm sát viên luôn chủ động trong công tác kiểm sát điều tra, bảo đảm thực hiện đúng tiến độ điều tra theo từng giai đoạn, đồng thời, đảm bảo tuân thủ đúng thời hạn điều tra đối với từng loại tội phạm cụ thể. Yêu cầu điều tra có thể được thực hiện nhiều lần bằng văn bản hoặc bằng lời nói và bắt đầu từ khi Kiểm sát viên được phân công thụ lý giải quyết vụ án hình sự đến khi kết thúc giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố hoặc quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật. Văn bản yêu cầu điều tra được đưa vào hồ sơ vụ án và lưu trong hồ sơ kiểm sát. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để mỗi Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ kiểm sát điều tra thường xuyên hoặc định kỳ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án.

Để thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương đã ban hành: Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, VKSND tối cao quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 của VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong

thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 23/01/2018 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, VKSND tối cao quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; Thông tư liên tịch số 02/2018 ngày 01/02/2018 quy định việc đọc, ghi chép bản sao tài liệu hồ sơ vụ án; Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 của Bộ Công an, VKSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng ban hành các quy chế về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố như: Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra và giám định; Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố, để toàn Ngành thống nhất thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 về hoạt động điều tra, truy tố, trong

đó có hoạt động đề ra yêu cầu điều tra.

## 2. Kỹ năng đề ra yêu cầu điều tra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố bắt đầu từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đến khi kết thúc giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố hoặc quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật (Điều 1 Quy chế số 03). Giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự quy định tại Phần thứ hai BLTTHS năm 2015 (từ Điều 143 đến Điều 235). Ở giai đoạn này, Kiểm sát viên được phân công thụ lý giải quyết vụ án hình sự có quyền và trách nhiệm đề ra các yêu cầu điều tra, bảo đảm hoạt động điều tra tuân thủ đúng pháp luật, đúng tiến độ, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Tuy nhiên, trong thực tế với nhiều lý do khách quan và chủ quan, hoạt động đề ra yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra còn nhiều hạn chế như: Hồ sơ không có bản yêu cầu điều tra hoặc có nhưng nội dung còn chung chung, sơ sài, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu của Cơ quan điều tra. Đây cũng chính là một trong các lý do làm vụ án phải điều tra kéo dài hoặc phải trả hồ sơ điều tra bổ sung không cần thiết hoặc dẫn đến oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án luôn phải tiếp xúc với các nguồn chứng cứ khác nhau. Sai lầm trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến các trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội có nhiều nguyên

nhân, nhưng chủ yếu bắt nguồn từ sai lầm về chứng cứ và quá trình thu thập, đánh giá, sử dụng các nguồn chứng cứ, mà đầu tiên là hoạt động kiểm sát việc khởi tố, điều tra, đề ra các yêu cầu điều tra trong quá trình thụ lý kiểm sát điều tra, giải quyết vụ án hình sự.

### 2.1. Các bước quan trọng để xây dựng bản yêu cầu điều tra

Một là, Kiểm sát viên cần nghiên cứu hồ sơ vụ án, tài liệu điều tra ban đầu như: Báo cáo ban đầu của Cơ quan điều tra, các biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các nguồn tố giác, tin báo về tội phạm, lời khai của bị can, người bị hại, người làm chứng... nhằm đảm bảo các căn cứ khởi tố vụ án có đủ các dấu hiệu tội phạm hình sự phải đúng theo quy định tại Điều 143 BLTTHS năm 2015; quyết định khởi tố vụ án phải đúng quy định tại Điều 154 BLTTHS năm 2015; nếu khởi tố theo yêu cầu bị hại phải tuân thủ quy định tại Điều 155 BLTTHS năm 2015, việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự phải tuân thủ quy định của Điều 156 BLTTHS năm 2015 và các điều 12, 13 Quy chế số 03; việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can phải thực hiện theo quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2015 và Điều 14 Quy chế số 03; kiểm sát thẩm quyền điều tra phải thực hiện đúng quy định của Điều 163 BLTTHS năm 2015; các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn phải tuân thủ đúng các Điều từ 15 đến Điều 25

Quy chế số 03.

Bên cạnh đó, tài liệu điều tra ban đầu (văn bản, biên bản tiền khởi tố) cũng phải tuân thủ quy định tại các điều 85, 86, 87, 88, 89 BLTTHS năm 2015...; đồng thời, phải đảm bảo tính hợp pháp của các nguồn chứng cứ này theo quy định của khoản 2 Điều 87 BLTTHS năm 2015. Quá trình thực hiện các hoạt động kiểm sát nêu trên đều phải áp dụng các biểu mẫu từ số 29/HS đến số 65/HS ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-VKSTC ngày 09/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao.

*Hai là*, Kiểm sát viên cần nghiên cứu các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật về hình sự, nhằm đảm bảo các yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể mà Cơ quan điều tra đã khởi tố là chính xác, khách quan, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

*Ba là*, Kiểm sát viên cần báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát cấp mình, Lãnh đạo đơn vị về những nội dung mà Kiểm sát viên đã nghiên cứu, đồng thời, đề xuất những nội dung dự kiến sẽ nêu trong bản yêu cầu điều tra để Viện trưởng, Lãnh đạo đơn vị cho ý kiến chỉ đạo và phê duyệt.

*Bốn là*, hình thức, nội dung bản yêu cầu điều tra được thực hiện theo mẫu số 83/HS ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-VKSTC ngày 09/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao và Điều 26 Quy chế số 03.

## **2.2. Căn cứ pháp luật và những nội dung cơ bản của bản yêu cầu điều tra**

Điều 165 BLTTHS năm 2015 quy định

nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự như sau:

“1. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

...

6. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt”.

Điểm c khoản 1 Điều 42 BLTTHS năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên cũng quy định rõ: “1. Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn: ...e) Đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã, đình nã bị can”.

Đây là một kỹ năng còn nhiều hạn chế trong hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự hiện nay, chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quy định cụ thể tại Điều 165 và Điều 166 BLTTHS năm 2015. Bởi vậy, tại Điều 26 Quy chế số 03 (rút kinh nghiệm của Quyết định số 07/QĐ trước đây) đã quy định rõ:

“1. Trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự, khi cần làm rõ về tội phạm, người phạm tội và những vấn đề phải chứng minh trong vụ

án hoặc để hoàn thiện thủ tục tố tụng, Kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra. Yêu cầu điều tra có thể được thực hiện nhiều lần, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Văn bản yêu cầu điều tra được đưa vào hồ sơ vụ án và lưu hồ sơ kiểm sát...”

Đây là một quy định còn mang tính chất tùy nghi, song lại rất phù hợp với thực tế hoạt động kiểm sát điều tra vụ án hình sự, bởi lẽ, không phải tất cả các vụ án do Cơ quan điều tra chuyển sang Viện kiểm sát để thụ lý kiểm sát điều tra thì đều phải có văn bản yêu cầu điều tra, như: Các vụ án phạm tội quả tang, chứng cứ đơn giản, rõ ràng, bị can đã nhận tội, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp lời khai của người làm chứng cũng như các nguồn chứng cứ khác, lý lịch nhân thân rõ ràng, đầy đủ, thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng hoặc lần đầu phạm tội... Trong trường hợp này, Kiểm sát viên chỉ cần dùng lời nói để yêu cầu Điều tra viên cùng cố và hoàn thiện hồ sơ về hình thức tố tụng là có thể quyết định việc truy tố. Còn đối với những vụ án có nhiều đồng phạm, thuộc loại tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng, những chuyên án về an ninh, kinh tế, ma túy... thì đều phải có văn bản yêu cầu điều tra (một hoặc nhiều lần) cụ thể từng vấn đề, nhằm đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, triệt để và đúng thời hạn tố tụng.

Điều 26 Quy chế số 03 cũng quy định: “2. Nội dung yêu cầu điều tra phải cụ thể, rõ ràng, sát với nội dung vụ án, định hướng thu thập chứng cứ để làm rõ cấu thành tội phạm, những vấn đề phải chứng

minh trong vụ án theo quy định tại Điều 85, Điều 44) BLTTHS”, ví dụ:

Trên cơ sở tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án đã thụ lý kiểm sát điều tra như: Biên bản phạm pháp quả tang hoặc biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; các biên bản ghi lời khai của người tố giác, báo tin, kiến nghị khởi tố; báo cáo ban đầu của Cơ quan điều tra; các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các quyết định bổ sung, thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn... Kiểm sát viên phải nghiên cứu nắm chắc, đối chiếu với các quy định của BLTTHS năm 2015 để định hướng và yêu cầu Cơ quan điều tra, Điều tra viên bổ sung, hợp pháp thành các văn bản tố tụng, biên bản tố tụng theo quy định tại Điều 132, Điều 133 BLTTHS năm 2015, yêu cầu lấy lời khai của bị can, người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, yêu cầu giám định, định giá tài sản... để làm rõ hành vi phạm tội của bị can, tính chất, hậu quả của vụ án, quá trình nhân thân của bị can, hiện nay bị can đang làm gì, ở đâu, lấy nhận xét của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Bên cạnh đó, Kiểm sát viên trong trường hợp cần thiết, cần yêu cầu Điều tra viên tiến hành đối chất giữa bị can và người bị hại, giữa các đồng phạm trong cùng vụ án để làm rõ mâu thuẫn về hung khí, về thời gian, không gian, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, chính xác khi tội phạm xảy ra; yêu cầu bị can tự vẽ, mô tả về đặc

điểm hung khí, dụng cụ gây án, sau khi đã có lời khai chi tiết... Tuyệt đối tránh những mâu thuẫn đã thể hiện trong hồ sơ như: Mâu thuẫn giữa các lời khai của bị can về không gian, thời gian, điều kiện, hung khí... hoặc giữa các bị can khác nhau, giữa bị can với bị hại, người làm chứng... nhưng không được Kiểm sát viên phát hiện và yêu cầu đối chất để làm rõ, đến khi ra phiên tòa bị Hội đồng xét xử hoặc Luật sư phát hiện, nêu vấn đề hoặc lập luận phản bác quan điểm truy tố, thì Kiểm sát viên sẽ lúng túng hoặc phiên tòa có thể bị tạm dừng, tạm hoãn không cần thiết.

Kiểm sát viên cần lưu ý khi yêu cầu điều tra ghi lời khai người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nguyên đơn, bị đơn dân sự (các điều 91, 92, 93, 94 BLTTHS năm 2015)... cần đảm bảo tính hợp pháp của nguồn lời khai theo quy định của khoản 2 các điều này (các đương sự phải khẳng định rõ lý do vì sao họ biết được tình tiết, sự việc đó).

Khi yêu cầu trưng cầu Hội đồng định giá tài sản để đánh giá chất lượng thực tế số vật chứng đã kê biên hoặc thu giữ, giá trị thành tiền ở thời điểm kê biên, thu giữ và giám định, nếu vật chứng là tài sản dễ hỏng thì Kiểm sát viên đề nghị gửi vào kho của cơ quan chuyên ngành bảo quản cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền...

Điều 26 Quy chế số 03 còn quy định: "3. Kiểm sát viên chủ động phối hợp, yêu cầu Điều tra viên, Cán bộ điều tra thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu điều tra. Nếu

Điều tra viên, Cán bộ điều tra không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu điều tra, thì tùy từng trường hợp, Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện kiến nghị bằng văn bản với Thủ trưởng, cấp trưởng cơ quan có thẩm quyền điều tra, hoặc yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra. Trường hợp do trở ngại khách quan mà không thể thực hiện được đầy đủ yêu cầu điều tra thì Kiểm sát viên yêu cầu Điều tra viên, Cán bộ điều tra giải thích, nêu rõ lý do trong bản kết luận điều tra.

### **3. Công tác phối hợp giữa Kiểm sát viên và Điều tra viên trong việc thực hiện bản yêu cầu điều tra**

Kiểm sát viên cần xây dựng kế hoạch thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra trình Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện phê duyệt. Nội dung kế hoạch dự kiến các nhiệm vụ và hoạt động cụ thể được phân công thực hiện, cách thức, lực lượng, thời gian thực hiện và các vấn đề khác có liên quan.

Kiểm sát viên cần chủ động thực hiện kế hoạch, báo cáo, đề xuất Lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện đề bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đúng hướng, sát thực tế, hiệu quả và đúng thời hạn (Điều 27 Quy chế số 03). Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm

pháp luật trong việc điều tra (Điều 166 khoản 5 BLTTHS năm 2015).

Đây chính là kỹ năng kiểm sát điều tra thường xuyên và định kỳ theo ngày, tuần, tháng, quý... mà hiện nay chúng ta còn hạn chế (trong thực tế chúng ta chủ yếu mới thực hiện việc kiểm sát hồ sơ). Đây cũng là một trong những lý do nhiều hồ sơ điều tra kéo dài. Để làm tốt công tác kiểm sát điều tra, mỗi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải tuân thủ Điều 166 BLTTHS năm 2015, muốn vậy phải xây dựng được mối quan hệ phối hợp công tác tốt với Cơ quan điều tra, với các Điều tra viên và Cán bộ điều tra trên cơ sở quy định của pháp luật, quy chế phối hợp hai ngành hoặc liên ngành, để từ đó tham mưu một cách chính xác, khách quan với lãnh đạo đơn vị, Lãnh đạo Viện quyết định giải quyết vụ án được đúng đắn.

Đối với vụ án có nhiều Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thụ lý giải quyết thì Lãnh đạo Viện hoặc Kiểm sát viên thụ lý chính trực tiếp tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm sát điều tra để đảm bảo mọi yêu cầu điều tra được thực hiện theo đúng tiến độ. Trong quá trình điều tra hoặc ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, Kiểm sát viên phải thường xuyên bổ sung tài liệu phát sinh (nếu có) vào hồ sơ vụ án, nhất là những vụ án phức tạp, án đặc biệt nghiêm trọng, hoặc án có liên quan đến tôn giáo... Ví dụ: Vụ án ở số 24 phố Nhà Chung và số 178 phố Thái Hà trước đây ở Hà Nội. Mặc dù, hồ sơ đã có lịch xét xử nhưng Kiểm sát viên và Lãnh đạo đơn vị vẫn chủ động liên hệ với Ban tôn giáo Chính phủ để tìm hiểu,

bổ sung kiến thức về đặc điểm các tôn giáo, đạo thiên chúa, những kinh nghiệm giải quyết mâu thuẫn trong các tôn giáo... Trên cơ sở đó, báo cáo Lãnh đạo Viện, Lãnh đạo Tòa án, đề xuất bổ sung chứng cứ, phương án xử lý những tài liệu còn hạn chế, khả năng những tình huống xảy ra ở phiên tòa...; chủ động đề ra đề cương xét hỏi tại phiên tòa với phương châm kiên quyết trấn áp tội phạm, khẳng định quyết định truy tố của VKSND cũng như việc xét xử của Tòa án là chính xác, có căn cứ pháp luật. Thực tế, vụ án này được giải quyết rất thành công, được dư luận, Lãnh đạo cấp trên và địa phương đánh giá cao.

Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc hỏi cung bị can; việc lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đương sự; việc đối chất, việc nhận dạng, nhận biết giọng nói; việc lập hồ sơ vụ án và giữ bí mật điều tra... được thực hiện theo quy định từ Điều 28 đến Điều 38 Quy chế số 03.

Cần lưu ý rằng: Mỗi nguồn chứng cứ có nhiều cách tiếp cận, nhận thức và đánh giá khác nhau, bởi vậy trong quá trình điều tra, đề ra các yêu cầu điều tra có thể còn có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng về một chứng cứ, một nội dung là điều thường gặp... Tuy nhiên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên tiếp cận các nguồn chứng cứ, tài liệu để phục vụ công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, do vậy, Kiểm sát viên phải nắm chắc chức năng, nhiệm vụ của ngành (Điều 3, 4, 14 và 15 Luật tổ chức VKSND

năm 2014) mới làm tốt công tác điều tra, kiểm sát điều tra.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng điều tra vụ án hình sự, gắn công tố với hoạt động điều tra thì yếu tố con người vẫn là quyết định (ở đây là các Kiểm sát viên và các Kiểm tra viên được phân công thụ lý giải quyết vụ án). Kiểm sát viên phải thể hiện được vai trò của mình trong quá trình kiểm sát điều tra, đề ra yêu cầu điều tra đúng luật nhưng cũng phải thể hiện sự chân thành, cầu thị, làm sao để Điều tra viên không cảm thấy bị soi mói trong quá trình giải quyết án. Muốn vậy, mỗi Kiểm sát viên phải luôn học hỏi để nâng cao trình độ, nghiệp vụ điều tra, như học kinh nghiệm của các Điều tra viên, các Kiểm sát viên lâu năm khi giải quyết các tình huống cụ thể, đề từ đó rút kinh nghiệm cho chính bản thân mình trong quá trình kiểm sát điều tra vụ án; phải thể hiện sự chân tình giữa những người làm công tác pháp luật, giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật trên cơ sở quy định pháp luật.

#### **4. Một vài kinh nghiệm rút ra từ hoạt động thực tiễn**

Để thấy rõ kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn của công tác đề ra yêu cầu điều tra, tác giả đưa ra tình huống ví dụ 1 như sau: Trong một vụ án phải khai quật từ thi đã chôn gần 06 tháng, khi bác sỹ pháp y mổ rạch bụng từ thi và cắt lấy ra một phần dạ dày, kẹp bằng một chiếc panh rồi đưa lên mũi người và nói: “Đúng là có mùi thuốc trừ sâu thật, mời đồng chí Kiểm sát viên kiểm tra”. Ở tình huống này, Kiểm sát viên nên xử lý như thế nào?

Trong thực tế, Kiểm sát viên đã đi găng tay, cầm chiếc panh có kẹp vật phẩm đưa lên mũi người và nói: “Đúng là ngoài mùi thối ra còn có mùi thuốc trừ sâu thật”, đồng thời, đề nghị niêm phong, thu giữ vật chứng để gửi giám định với các yêu cầu cụ thể như: Mùi hắc trong dạ dày từ thi là loại hóa chất gì? Có khả năng gây chết người không? Nếu có thì cần liều lượng bao nhiêu? Xuất xứ của hóa chất đó từ đâu ra? Vào dạ dày nạn nhân theo con đường nào? Kết quả điều tra cuối cùng đã xác định được chồng của nạn nhân chính là bị can của vụ án giết vợ.

Với tình huống cụ thể như vừa nêu, đòi hỏi phải có lòng yêu nghề, tâm huyết với nghề thì Kiểm sát viên mới có thể hành động như vậy. Qua vụ việc này, Kiểm sát viên đã tạo được uy tín cũng như xây dựng được mối quan hệ rất tốt với Cơ quan điều tra nói riêng và các cơ quan tố tụng nói chung. Đó chính là những kỹ năng mềm đòi hỏi phải có thời gian hoạt động thực tiễn nhiều năm mới hình thành nên.

Tác giả lấy một ví dụ thứ 2: Vụ án H phạm Tội giết người. Do có mâu thuẫn cá nhân trong sinh hoạt, H đã rù anh Tr đến nhà nói chuyện và bất ngờ dùng gạch đập chết anh Tr, rồi phân xác nạn nhân theo các đường khớp tay, chân, cổ... thành hơn 30 phần riêng biệt và mang chôn ở hơn 30 vị trí khác nhau trong vườn nhà y. Vụ án được phát hiện do một người đi nhặt rác nhặt được một chiếc bao dứa trong đó có chứa đầu lâu của nạn nhân. Cơ quan điều tra căn cứ vào lời khai bị can H để đào 36 vị trí hố chôn xác nạn nhân và thu được toàn bộ thi



thể nạn nhân Tr. Quá trình khám nghiệm hiện trường, do tâm lý thỏa mãn với nguồn lời khai nhận tội của bị can cũng như nguồn vật chứng đã thu thập được nên các Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thiếu thận trọng, không kiểm đếm từng mảnh xác nạn nhân tại các hồ chôn để tổng hợp và so sánh với sơ đồ cấu tạo cơ thể người theo sách giải phẫu sinh lý bệnh của Bộ Y tế. Vì vậy, ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã cộng các phần xác ở 36 hồ chôn theo biên bản khám nghiệm hiện trường rồi so sánh với cấu tạo cơ thể người trong sách giải phẫu sinh lý bệnh và phát hiện còn thiếu một mảnh xương bả vai phải nạn nhân. Mặc dù việc thiếu mảnh xương này không ảnh hưởng nhiều đến quyết định truy tố, việc định tội danh, cũng như việc áp dụng hình phạt, song do tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án ở thời điểm đó nên Kiểm sát viên đã yêu cầu Cơ quan điều tra phân công nhiều Điều tra viên tổ chức khám nghiệm lại hiện trường vụ án. Kết quả sau nửa ngày đào bới lại toàn bộ 36 hồ chôn xác nạn nhân, Cơ quan điều tra đã tìm thấy đúng mảnh xương bả vai còn thiếu. Đây là một bài học hết sức quý giá về tính thận trọng, tỉ mỉ, khách quan và toàn diện trong công tác điều tra, khám nghiệm hiện trường, thu thập vật chứng, cũng như hoạt động đề ra yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên đối với Điều tra viên trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Ví dụ thứ 3: Vụ án Hoàng Minh T sinh năm 1954 tại thành phố H bị khởi tố và bắt tạm giam về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140 Bộ luật Hình

sự năm 1999).

Trong quá trình khởi tố, điều tra, Cơ quan điều tra Công an quận H đã lập biên bản kê biên và niêm phong 200 tấn da trâu, bò ngâm nước vôi trong tại 03 chiếc bể xây chìm (dùng để sản xuất thuốc da) giao cho gia đình đương sự bảo quản. Vấn đề đặt ra ở đây là: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố kéo dài hàng năm nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng không kiểm tra để xử lý vật chứng của vụ án (200 tấn da trâu, bò muối). Viện kiểm sát cũng không có yêu cầu điều tra về giám định khối lượng, chất lượng, định giá tài sản ở thời điểm kê biên, thu giữ. Khi mở phiên tòa xét xử, đối tượng thay đổi lời khai, Hội đồng xét xử yêu cầu xem xét trực tiếp vật chứng thì 200 tấn da trâu, bò muối đã thối rữa, không còn giá trị chứng minh. Do không có chứng cứ để đánh giá, kết tội nên T được Tòa án tuyên không phạm tội và sau đó Viện kiểm sát thành phố H phải tổ chức xin lỗi công khai, bồi thường cho ông T và vật chứng bị thối rữa, hư hỏng cũng là một nội dung gây rất nhiều khó khăn cho Viện kiểm sát trong quá trình thương lượng bồi thường.

Đây cũng là bài học đối với hoạt động điều tra, kiểm sát điều tra thường xuyên hoặc định kỳ để phát hiện những vấn đề còn tồn tại từ trước hoặc những vấn đề mới phát sinh, từ đó, đưa ra các yêu cầu điều tra nhằm khắc phục kịp thời những sai sót của Điều tra viên, Cơ quan điều tra để đảm bảo công tác điều tra, truy tố, xét xử được tiến hành đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu của cái cách tư pháp theo đúng quy định của BLTTHS năm 2015.□